

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI
TỈNH QUẢNG BÌNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2018/DS-ST
Ngày 31 -7 - 2018
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Lộc

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Phương

Ông Dương Đức Bản

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hoà – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Hới tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hiền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 7 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 41/2017/TLST-DS ngày 29 tháng 11 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2018/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 6 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2018/QĐST-DS ngày 03 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng N; địa chỉ: đường N, Phường , Quận , Thành phố Hồ Chí Minh; người đại diện theo pháp luật: Bà N, Tổng Giám đốc; người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông T - Phó phòng kiểm soát rủi ro Ngân hàng N Chi nhánh Quảng Bình; địa chỉ: đường Q, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình. Theo giấy uỷ quyền số 334/2017 ngày 06/11/2017, có mặt tại phiên tòa.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1969; địa chỉ cư trú: Đường C, Thôn 9, xã L, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt lần hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 30/10/2017, qua giải quyết vụ án và tại phiên

toà, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng trình bày:

Bà Nguyễn Thị Th đã vay vốn tại Ngân hàng N Chi nhánh Quảng Bình theo Hợp đồng tín dụng vốn lãi chia đều số LD1406900291 ngày 10/03/2014, số tiền vay: 65.000.000 đồng, lãi suất: 0,8%/tháng, tùy thuộc vào tình hình lãi suất trên thị trường, Ngân hàng có quyền đề nghị thương lượng lại lãi suất với bên vay, thời hạn vay: 48 tháng, phương thức trả nợ: trả nợ gốc và lãi hàng tháng, mỗi tháng trả tiền gốc 1.354.000 đồng và tiền lãi 520.000 đồng, kỳ trả nợ: trả gốc và lãi vào ngày 27 hàng tháng.

Trong quá trình trả nợ vay: Từ lúc nhận nợ vay đến nay bà Nguyễn Thị Th chỉ trả được 12 tháng tiền gốc và lãi (và ngày 09/07/2015 trả 3.132.000 đồng tiền gốc, ngày 05/02/2016 trả 5.500.000 đồng tiền gốc, như vậy bà Nguyễn Thị Th chỉ trả được 24.880.000 đồng tiền gốc và tiền lãi phát sinh từ ngày 10/03/2014 đến ngày 26/03/2015).

Từ ngày 27/3/2015 đến ngày 31/7/2018 bà Nguyễn Thị Th vẫn chưa trả nợ gốc và nợ lãi cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là: 40.120.000 đồng, nợ lãi trông hạn 18.720.000 đồng, nợ lãi quá hạn 18.691.276 đồng, cộng số tiền gốc và lãi là 77.531.276 đồng. Trong quá trình vay vốn khách hàng thường xuyên không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, chây ỳ thiếu thiện chí trong quá trình trả nợ vay. Ngân hàng chúng tôi đã nhiều lần thông báo và làm việc với bà Nguyễn Thị Th yêu cầu trả nợ nhưng bà Nguyễn Thị Th vẫn không có thiện chí trả nợ, cố tình không trả nợ, để nợ quá hạn dây dưa kéo dài.

Vậy, Ngân hàng đề nghị Tòa án Nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình giải quyết những vấn đề sau:

1. Buộc bà Nguyễn Thị Th có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng N số tiền vay tại Hợp đồng tín dụng vốn lãi chia đều số LD1406900291 tính đến ngày 31/7/2018 với số tiền phải trả là: 77.531.276 đồng.

2. Yêu cầu bà Nguyễn Thị Th phải trả tiền lãi phát sinh theo lãi suất tại Hợp đồng tín dụng kể từ ngày 01/8/2018 cho đến khi trả hết nợ gốc.

3. Trường hợp bà Nguyễn Thị Th không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng được nhận các khoản tiền trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các khoản được hưởng khác của bà Nguyễn Thị Th để thu hồi nợ.

* Đối với bà Nguyễn Thị Th qua quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập bà Th nhiều lần theo địa chỉ của bà tham gia giao kết hợp đồng là địa chỉ tại: xã L, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình và Trường mầm non xã L, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình, nhưng bà Th không có mặt để giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nên không hỏi được ý kiến của bà Th.

Tại phiên tòa, kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát đã phát biểu:

- Việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, thụ lý vụ án theo đúng thẩm quyền, thu thập chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử và mở phiên tòa theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Các Điều 385, 386, 388, 389, 399, 400, 401, 463, 465, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91; Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N. Buộc bà Nguyễn Thị Th phải trả cho Ngân hàng N, tính đến ngày 31/7/2018 với tổng số tiền gốc và lãi là 77.531.276 đồng, trong đó, tiền gốc 40.120.000 đồng, tiền lãi trong hạn 18.720.000 đồng, tiền lãi quá hạn 18.691.276 đồng. Buộc bà Th phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1.] Xem xét về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Theo đơn khởi kiện của Ngân hàng N yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị Th phải trả nợ cho Ngân hàng số tiền nợ gốc và lãi theo Hợp đồng tín dụng vốn lãi chia đều số LD1406900291 ngày 10/3/2014 đã ký kết giữa Ngân hàng và bà Th. Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng, phát sinh giữa nguyên đơn Ngân hàng là Tổ chức tín dụng có đăng ký kinh doanh, bị đơn bà Th không có đăng ký kinh doanh, trong hợp đồng tín dụng thể hiện bà Th cư trú tại: xã L, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình và hiện nay bà cư trú theo địa chỉ trên. Căn cứ theo quy định của khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là vụ án dân sự tranh chấp hợp đồng tín dụng và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

[1.2] Về thời hiệu khởi kiện: Theo quy định tại Điều 429 Bộ luật Dân sự 2015 thì *“Thời hiệu khởi kiện....tranh chấp hợp đồng là 03 năm, kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm”*. Ngày 27/3/2015 bà Th vi phạm nghĩa vụ trả tiền gốc và lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Ngày 20/11/2017, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu thanh toán số tiền nợ nên thời hiệu khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng vẫn còn thời hiệu.

1.3] Về sự vắng mặt của bà Th trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bà Th đến Tòa án để tiến hành các thủ tục giải quyết vụ án đúng trình tự quy định của pháp luật tố tụng dân sự, nhưng bà Th vẫn vắng mặt không có lý do. Qua xác minh tại Trường mầm non xã L thì bà Th đã nghỉ việc tại trường từ ngày 05/02/2015 và tại mẹ bà Th thì mẹ bà Th từ chối không cung cấp, sau đó Tòa án xác minh tại nơi cư trú của bà Th tại Thôn và Công an xã L xác định bà Th đã bỏ đi khỏi địa phương nhiều năm nay đi đâu làm gì chính quyền địa phương không biết, khi đi không cất

hộ khẩu. Sau khi xác minh bà Th không có mặt tại địa phương Toà án đã nhắn tin tìm kiếm bà Th trên Đài tiếng nói Việt Nam và trên báo Công lý đến nay đã hơn 3 tháng nhưng bà vẫn không có mặt tại Toà án để giải quyết việc Ngân hàng kiện yêu cầu bà trả tiền vay theo hợp đồng tín dụng mà bà đã ký kết với Ngân hàng. Do đó, Tòa án đã ra Quyết định xét xử vụ án số 32/2018/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 8 năm 2018. Sau đó đã tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập cho bà Th bằng cách gửi bảo đảm và niêm yết tại nơi cư trú của bà Th. Tuy nhiên, bị đơn bà Th vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự ra Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2018/QĐST-DS ngày 03/7/2018 và ra Thông báo mở lại phiên tòa ngày 31/7/2018 đồng thời tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng nói trên cho bà Th nhưng bà Th vẫn không có mặt tại phiên tòa lần thứ 2. Tòa án căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 1 Điều 6 Nghị quyết số: 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân Tối cao hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn bà Th.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng yêu cầu bà Th trả số tiền gốc và lãi là 77.531.276 theo Hợp đồng tín dụng vốn lãi chia đều số LD1406900291 ngày 10/3/2014, Hội đồng xét xử thấy: Phía Ngân hàng và bà Th có ký kết Hợp đồng tín dụng vốn lãi chia đều số LD1406900291 ngày 10/03/2014 đã tuân theo đúng quy định của pháp luật. Hợp đồng tín dụng do tổ chức hoạt động tín dụng và người có năng lực hành vi dân sự ký kết; về hình thức, nội dung tuân theo các quy định tại Điều 385, 386, 388, 398, 399, 400, 401, 463, 465, 466 Bộ luật dân sự năm 2015 và Luật các tổ chức tín dụng 2010, Hợp đồng ký kết có hiệu lực đã được hai bên thực hiện, bà Th đã nhận được số tiền vay vốn do phía Ngân hàng giải ngân. Quá trình thực hiện hợp đồng, bà Th vay với số tiền gốc là 65.000.000đ mới trả được cho Ngân hàng theo thỏa thuận tại hợp đồng qua nhiều đợt cả gốc và lãi là 24.880.000 đồng. Từ ngày 27/3/2015 đến ngày 31/7/2018 bà Nguyễn Thị Th không thực hiện việc trả nợ theo hợp đồng nên còn nợ gốc và nợ lãi là 77.531.276 đồng, trong đó nợ gốc là: 40.120.000 đồng, nợ lãi trong hạn 18.720.000 đồng, nợ lãi quá hạn 18.691.276 đồng. Trước khi khởi kiện, Ngân hàng đã nhiều lần thông báo nợ quá hạn yêu cầu bà Th trả nợ, và tạo điều kiện cho bà Th trả nợ nhưng bà Th vẫn chưa thực hiện việc trả nợ mà còn trốn tránh việc trả nợ bà Th đã vi phạm Điều 7 của Hợp đồng đã ký kết. Nay Ngân hàng yêu cầu bà Th trả khoản tiền lãi và gốc theo hợp đồng được hai bên ký kết là 77.531.276 đồng, trong đó nợ gốc: 40.120.000 đồng, nợ lãi trong hạn 18.720.000 đồng, nợ lãi quá hạn 18.691.276 đồng, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bà Th vắng mặt nhưng căn cứ vào Hợp đồng tín dụng vốn lãi chia đều ngày 10/3/2014, Giấy lĩnh tiền ngày 10/3/2014 và căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 6 Nghị quyết số: 04 /2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân Tối cao hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự, thì

bà Th cố tình dấu địa chỉ. Do đó, buộc bà Th phải trả số nợ gốc và lãi trên cho Ngân hàng là đúng quy định tại Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.2] Theo Hợp đồng tín dụng vốn lãi chia đều số LD1406900291 ngày 10/3/2014 và Giấy đề nghị kiêm phương án vay được ký kết ngày 10/3/2014 giữa bà Th, Ngân hàng và Trường Mần non xã L, phía Ngân hàng và bà Th có thỏa thuận trong trường hợp bà Th nghỉ việc mà không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng được nhận các khoản tiền trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các khoản được hưởng khác của bà Th để thu hồi khoản tiền vay. Tuy nhiên, hiện nay bà Th đã bỏ việc đi đâu không rõ nên chưa làm các thủ tục xin thôi việc và thanh toán các khoản trợ cấp xin thôi việc, các khoản đó là bao nhiêu. Do đó sau này mà bà Th không trả hết các khoản lãi và gốc trên thì Ngân hàng có quyền thực hiện theo cam kết được ký kết giữa bà Th, Ngân hàng tại Điều 16 của Hợp đồng tín dụng vốn lãi chia đều số LD1406900291 ngày 10/3/2014 và Điều 5 của “*Giấy đề nghị kiêm phương án vay*” ngày 10/3/2014 đã được ký kết giữa bà Nguyễn Thị Th, Ngân hàng và Trường Mần non xã L để thu hồi các khoản của bà Th được trợ cấp thôi việc.

[4] Về án phí: Bà Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 77.531.276 đồng $\times$ 5% = 3.876.000đ để sung quỹ Nhà nước.

Ngân hàng N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp trước đây.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Các Điều 385, 386, 388, 389, 399, 400, 401, 463, 465, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91; Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, xử:

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N .

3. Buộc bà Nguyễn Thị Th phải trả cho Ngân hàng N, tính đến ngày 31/7/2018 với tổng số tiền gốc và lãi là 77.531.276 đồng (Bảy mươi bảy triệu, năm trăm ba mươi một ngàn, hai trăm bảy mươi sáu đồng), trong đó, tiền gốc 40.120.000 đồng, tiền lãi trong hạn 18.720.000 đồng, tiền lãi quá hạn 18.691.276 đồng.

Trường hợp bà Nguyễn Thị Th không trả hết khoản tiền gốc và lãi nêu trên thì Ngân hàng có quyền thực hiện theo cam kết được ký kết giữa bà Th, Ngân hàng tại Điều 16 của Hợp đồng tín dụng vốn lãi chia đều số LD1406900291 ngày 10/3/2014 và Điều 5 của “*Giấy đề nghị kiêm phương án vay*” ngày 10/3/2014 đã được ký kết giữa bà Nguyễn Thị Th, Ngân hàng N chi nhánh Quảng Bình và Trường Mần non xã L để thu hồi nợ.

Từ ngày 01/8/2018 cho đến khi trả hết tiền gốc, hàng tháng bà Nguyễn Thị Th còn phải chịu thêm khoản lãi phát sinh từ số tiền gốc chưa trả theo mức lãi suất tại Hợp đồng tín dụng vốn lãi chia đều số LD1406900291 ngày 10/3/2014.

5. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Xử buộc bà Nguyễn Thị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 3.876.000đ để sung quỹ Nhà nước.

- Ngân hàng N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng N số tiền tạm ứng án phí 1.642.610 đồng đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000287 ngày 29/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND thành phố Đồng Hới;
- Chi cục THADS TP.Đồng Hới;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Hoàng Văn Lộc

